

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 24/4/2024
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Quốc Bảo

Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ.***

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lư Trường L**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.** (*Vắng mặt*)*

*Bị đơn: Ông **Lâm Thanh L1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.** (*Vắng mặt*)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, ông **Lư Trường L** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 03/7/2023 âm lịch (tương ứng ngày 18/8/2023 dương lịch), giữa ông **M** và ông **Lâm Thanh L1** thống nhất xác lập hợp đồng mua bán lúa tươi với nội

dung: Ông L1 bán cho ông M lúa tươi loại giống OM18 với số lượng 200 công đất, với giá bán là 7.800 đồng/kg; Ông L1 sẽ cắt lúa vào các ngày 20, 21 tháng 7 năm 2023 âm lịch (tương ứng ngày 04, 05 tháng 9 năm 2023 dương lịch), còn ông M sẽ đưa ghe xuống để nhận lúa tương ứng vào các ngày 21, 22 tháng 7 năm 2023 âm lịch (tương ứng ngày 05, 06 tháng 9 năm 2023 dương lịch). Ông M đặt cọc trước cho ông L1 số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), mỗi chuyến nhận lúa sẽ trả đủ tiền theo khối lượng lúa thực nhận.

Hai bên thống nhất lập “*Hợp đồng mua bán lúa*” đề ngày 03/7/2023 âm lịch với nội dung như trên; ông M đã đưa cho ông L1 số tiền cọc 35.000.000 đồng; tại hợp đồng đã thể hiện việc đưa cọc nên khi ông M đưa tiền cho ông L1 thì không có làm biên nhận riêng.

Đến ngày 12/7/2023 âm lịch, khi ông M đang ở Cần Thơ thì ông L1 gọi điện lên nói là sẽ bán cho ông M thêm 120 tấn lúa nữa, giao vào ngày 25/7/2023 âm lịch, với giá là 8.100 đồng/kg; ông M đồng ý và đã chuyển thêm cho ông L1 số tiền đặt cọc là 15.000.000 đồng. Tính đến ngày 12/7/2023 âm lịch, ông M đã đưa tiền cọc cho ông L1 là 50.000.000 đồng.

Đến thời điểm thu hoạch lúa vào các ngày 20, 21, 25 tháng 7/2023 âm lịch, ông M đã liên hệ ông L1 để đưa ghe xuống nhận lúa nhưng ông L1 cho rằng nông dân không bán nên không có lúa để giao cho ông M. Sau đó, ông M đã yêu cầu ông L1 trả lại số tiền cọc 50.000.000 đồng nhưng ông L1 chỉ hứa hẹn và đến nay vẫn chưa hoàn trả tiền cho ông M. Việc không có lúa để giao cho anh M theo hợp đồng là lỗi thuộc bên bán là ông L1; ông M chỉ yêu cầu ông L1 hoàn trả số tiền đã nhận cọc, không yêu cầu bên ông L1 bồi thường tiền cọc theo hợp đồng nhưng ông L1 không có thiện chí trả. Như vậy, ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M.

Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L1 trả cho ông M số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ông M không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày Tòa án giải quyết. Nhưng ông M yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông M xác định ngày 12/7/2023 âm lịch (tương ứng ngày 27/8/2023 dương lịch), ông M đưa thêm cho ông L1 số tiền 15.000.000 đồng được các bên thực hiện bằng lời nói, dựa trên uy tín làm ăn với nhau; đưa trực tiếp bằng tiền mặt, không có làm biên nhận hay giấy tờ gì. Hiện tại, ông L1 không thừa nhận có nhận của ông M số tiền 15.000.000 đồng mà ông L1 đã nhận vào ngày 12/7/2023 âm lịch; ông M không còn tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc có đưa tiền. Do đó, nguyên đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền 15.000.000 đồng mà ông M đưa cho ông L1 vào ngày 12/7/2023 âm lịch; ông M chỉ còn yêu cầu ông L1 trả số tiền 35.000.000 đồng theo “*Hợp đồng mua bán lúa*” đề ngày 03/7/2023 âm lịch.

Ngoài ra, ông M không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn ông **Lâm Thanh L1** đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông **L1** không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông **M**. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Thẩm phán xác định vụ kiện tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là chưa đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh quan hệ tranh chấp thành quan hệ tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

+ *Về nội dung vụ án*: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông **M** buộc ông **L1** có nghĩa vụ trả cho ông **M** số tiền đặt cọc 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 15.000.000 đồng.

Án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **M** khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại **ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu** nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Khi khởi kiện, ông **M** yêu cầu ông **L1** trả số tiền theo Hợp đồng mua bán là 50.000.000 đồng, căn cứ trên yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án đã thụ lý quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Quá trình tố tụng, căn cứ trên lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” là phù hợp.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, ông L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L1 là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông L1 trả đổi với số tiền 15.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử; Hội đồng xét xử chỉ còn xem xét, giải quyết đối với số tiền 35.000.000 đồng mà nguyên đơn đang yêu cầu.

[3.2] Đối với số tiền 35.000.000 đồng: Theo ông M xác định, vào ngày 03/7/2023 âm lịch (*tương ứng ngày 18/8/2023 dương lịch*), ông M ký kết hợp đồng mua bán lúa tươi với ông L1, loại giống lúa OM 18, số lượng 200 công đất, với giá 7.800 đồng/kg, ông L1 sẽ cắt lúa vào các ngày 20, 21 tháng 7/2023, ông M nhận lúa vào các ngày 21, 22 tháng 7/2023, số tiền ông M đặt cọc trước cho ông L1 là 35.000.000 đồng. Đến ngày 12/7/2023 âm lịch, để mua thêm 120 tấn lúa, giao vào ngày 25/7/2023 âm lịch, với giá 8.100 đồng/kg, anh M đã chuyển tiền cọc lúa cho ông L1 số tiền 15.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông M cung cấp hợp đồng mua bán lúa giữa ông M với ông L1.

Tại hợp đồng mua bán lúa ngày 03/7/2023 âm lịch, do ông M cung cấp, có chữ ký của ông L1, có nội dung thể hiện: Ông L1 có nhận tiền cọc lúa từ ông M số tiền 35.000.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định giữa ông M với ông L1 có thực hiện hợp đồng mua bán lúa và giao nhận số tiền cọc là 35.000.000 đồng.

Xét thấy, việc ông L1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao lúa tươi cho ông M theo hợp đồng các bên đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ của bên bán. Do đó, ông L1 phải có nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc lúa đã nhận cho ông M.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L1 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông L1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Từ đó cho thấy, ông L1 đã mặc nhiên thừa nhận có ký hợp đồng với ông M và còn thiếu ông M số tiền đặt cọc lúa là 35.000.000 đồng. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông L1 trả số tiền 35.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt cọc nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Án phí dân sự không có giá ngạch buộc ông L1 nộp là 300.000 đồng.

Ông M không phải chịu án phí, án phí mà ông M đã dự nộp sẽ được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 328; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M đối với ông Lâm Thanh L1.

Buộc ông Lâm Thanh L1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn M số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

2/ Đình chỉ xét xử do ông Phạm Văn M rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Lâm Thanh L1 trả số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Về quyền khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Buộc ông Lâm Thanh L1 nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông Phạm Văn M đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng tại biên lai thu số 0006422 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long sẽ được hoàn nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Đẹp